TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **269**/2024/DS-PT
Ngày: 23/04/2024
V/v: Yêu cầu chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.
Các Thẩm phán: 1. Ông Đỗ Minh Hoàng;
2. Ông Lê Thanh Bình.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Minh Đức - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Mai Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 và 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 302/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023, về việc: "Yêu cầu chia di sản thừa kế".

Do bản án sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 511/2023/QĐ-PT ngày 03/11/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 524/2023/QĐHT-PT ngày 28 tháng 11 năm 2023; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 747/2023/TB-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2024/QĐHT-PT ngày 26 tháng 01 năm 2024; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 59/2024/TB-DS ngày 15 tháng 02 năm 2024; Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 92/2024/TB-TA ngày 06 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2024/QĐHT-PT ngày 19 tháng 3 năm 2024; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 141/2024/TB-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Vũ Quốc T**, sinh năm 1951; HKTT: Tổ dân phố số F, phường X, quận B, Thành phố Hà Nội (chết ngày 08/7/2023); Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

1. Chị **Vũ Thị Hồng H**, sinh năm 1975; trú tại: Số E, hẻm B T, T, T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Anh **Vũ Quốc V**, sinh năm 1978; Nơi thường trú: Số E ngõ C X, TDP F, phường X, quận B, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà **Vũ Thị Thanh M**, sinh năm 1964; HKTT: Số G ngõ A phố N, phường Đ, quận B, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Văn D, sinh năm 1989; Trú tại: Thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh (theo giấy uỷ quyền ngày 10/06/2022); ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1994; Trú tại: tổ C, cụm A, phường T, quận T, thành phố Hà Nội (theo giấy uỷ quyền ngày 25/03/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Vũ Thị Thanh M: Luật sư Trần Đinh Minh L - Văn phòng L2 - Đoàn luật sư Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Vũ Thị Ngọc T1**, sinh năm 1953; HKTT: Số A phố T, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội.

2. **Vũ Ngọc H1**, sinh năm 1956; HKTT: Số E ngõ C đường X, TDP số F, phường X, quận B, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Vũ Thị Ngọc T1**.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Vũ Thị Ngọc T1, bà Vũ Ngọc H1: Luật sư Bùi Quang T2, Vũ Đình T3 - Văn phòng L3Đoàn luật sư Thành phố H.

3. Bà **Vũ Thúy O**, sinh năm 1959; HKTT: P 408, nhà E tập thể T, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội; Trú tại: Số E ngõ C đường X, phường X, quận B, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bố ông là cụ Vũ Quốc Đ1 (chết năm 1970) và mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Ngọc Y (chết năm 2004) có 5 người con là: Vũ Quốc T, sinh năm 1951; Vũ Thị Ngọc T1, sinh năm 1953; Vũ Ngọc H1, sinh năm: 1956; Vũ Thúy O, sinh năm 1959; Vũ Thị Thanh M, sinh năm 1964. Ngoài ra, bố mẹ ông không có con riêng, con nuôi nào khác.

Sau khi mẹ ông mất có để lại cho các con thửa đất có diện tích 271m^2 tại địa chỉ số E ngõ C, TDP số F phường X, quận B, Thành phố Hà Nội, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) năm 2004 cho cụ Nguyễn Thị Ngọc Y; GCNQSDĐ đó do UBND xã X giữ, bị thất lạc trong quá trình UBND xã chuyển thành UBND phường.

Hiện nay, 05 anh em ông đang có mâu thuẫn, tranh chấp về di sản thừa kế do việc phân chia thửa đất của cụ Y để lại không thỏa thuận được. Vụ việc này đã được đưa ra chính quyền phường Xuân Tảo giải quyết, qua nhiều lần UBND phường tổ chức hòa giải, đã có lần hòa giải thành là ngày 10/01/2018 nhưng sau đó, bà Vũ Thị Thanh M đã không thực hiện việc chia di sản thừa kế như Biên bản hòa giải thành và tiếp tục gây cản trở, khó khăn cho cho việc chia di sản thừa kế vì lý do đó nên đến nay tranh chấp vẫn không giải quyết được.

Vì vậy, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tranh chấp buộc bà Vũ Thị Thanh M thực hiện đúng việc chia di sản thừa kế như Biên bản hòa giải thành. Nếu

bà M không thực hiện thì đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Bố bà là cụ Vũ Quốc Đ1 (chết năm 1970) và mẹ bà là cụ Nguyễn Thị Ngọc Y (chết năm 2004) có 5 người con là: Vũ Quốc T, sinh năm 1951; Vũ Thị Ngọc T1, sinh năm 1953; Vũ Ngọc H1, sinh năm: 1956; Vũ Thúy O, sinh năm 1959; Vũ Thị Thanh M, sinh năm 1964. Ngoài ra, bố mẹ bà không có con riêng, con nuôi nào khác.

Sau khi cụ Đ1, cụ Y chết có để lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, diện tích là 333m^2 và tài sản trên đất tại số E ngõ C, tổ dân phố số F phường X, quận B, Thành phố Hà Nội.

Nay ông T và các đồng thừa kế không tự thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế, đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

*Bà Vũ Thị Ngọc T1 trình bày***:**

Về năm sinh, năm mất của bố mẹ bà; huyết thống gia đình và di sản của bố mẹ bà đúng như nguyên đơn, bị đơn đã khai.

Hiện nay, 05 anh em bà đang có mâu thuẫn, tranh chấp về di sản thừa kế do việc không thỏa thuận được trong việc phân chia thửa đất của mẹ bà để lại. Vụ việc này đã được đưa ra chính quyền địa phương là phường X giải quyết và đã có lần hòa giải thành là ngày 10/01/2018 nhưng sau đó, bà Vũ Thị Thanh M đã không thực hiện và tiếp tục gây cản trở, khó khăn nên đến nay tranh chấp vẫn không giải quyết được.

Vì vậy, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tranh chấp buộc bà Vũ Thị Thanh M thực hiện đúng việc chia di sản thừa kế như Biên bản hòa giải thành. Nếu vẫn chưa giải quyết được tranh chấp đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Bà đề nghị Tòa án chia cho ông Thành phần nhiều hơn vì ông T là con trưởng nên cần có diện tích để thờ cúng tổ tiên; chia kỷ phần thừa kế của bà và của bà H1 liền kề nhau, có mặt tiền ngõ C đường X, quận B, Thành phố Hà Nội.

*Bà Vũ Thúy O trình bày***:**

Về năm sinh, năm mất của bố mẹ bà; huyết thống gia đình và đúng như nguyên đơn, bị đơn đã khai.

Về tài sản: Cha mẹ bà trước đây đã sinh sống và tạo dựng khối tài sản gồm mảnh đất hơn 700m^2 tại số E ngõ C, đường X, phường X, quận B, Thành phố Hà Nội và ngôi nhà 03 gian có diện tích 46m^2. Năm 1970, bố bà mất và không lập di chúc nên gia đình bà tiếp tục sử dụng nhà và đất mà không phân chia tài sản. Ngày 03/3/2002, mẹ bà đã tổ chức họp gia đình để phân chia tài sản theo biên bản họp gia đình có chữ kí của 06 thành viên gồm mẹ và 05 con. Theo đó, 05 anh em bà mỗi người được sử dụng 01 mảnh đất như sơ đồ trong biên bản. Trong quá trình làm GCNQSDĐ vào năm 2003 phát sinh bà Vũ Ngọc H1 thêm 01 GCNQSDĐ không đúng với biên bản họp gia đình do đó đã phát sinh mâu thuẫn giữa 05 anh

em. Cụ thể:

Năm 2006, bà Vũ Thị Thanh M đã có đơn khởi kiện đến TAND huyện Từ Liêm về việc chia tài sản không đúng với biên bản họp gia đình. Sau đó, vụ án đã được chuyển lên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội năm 2009. Đến năm 2010, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Từ năm 2010 - 2018 đã có nhiều cuộc họp gia đình và hòa giải của xã phường nhưng không giải quyết được tranh chấp. Ngày 31/7/2018, bà Vũ Thị Thanh M khởi kiện lên Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm về việc chia thừa kế. Ngày 27/5/2019, trung tâm hòa giải, đối thoại thuộc Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã hòa giải thành và biên bản đã có chữ kí của anh em, riêng bà Vũ Ngọc H1 đã ủy quyền cho bà Vũ Thị Ngọc T1. Tuy nhiên, biên bản hòa giải chưa được thẩm phán phê duyệt nên việc chia tài sản thừa kế vẫn chưa được thực hiện, tài sản còn lại của cha mẹ bà là mảnh đất 271 m^2 với GCNQSDĐ mang tên mẹ bà là Nguyễn Thị Ngọc Y hiện đang bị thất lạc theo biên bản làm việc ngày 09/12/2018 của UBND phường X.

Bà đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và khi chia kỷ phần thừa kế của tôi có mặt tiền ở ngõ C đường X, quận B, Hà Nội.

*Bà Vũ Ngọc H1 trình bày***:**

Bà Vũ Ngọc H1 do bà Vũ Thị Ngọc T1 đại diện theo ủy quyền. Bà H1 có ý kiến trình bày giống của bà Vũ Thị Ngọc T1.

Tại bản án sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, đã xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của ông Vũ Quốc T đối với bà Vũ Thị Thanh M do ông Trịnh Văn D - đại diện theo ủy quyền.

[2] Cụ Nguyễn Thị Ngọc Y chết ngày 25/11/2004. Vào thời điểm mở thừa kế của cụ Y gồm 05 người con là: Vũ Quốc T, Vũ Thị Ngọc T1, Vũ Ngọc H1, Vũ Thúy O, Vũ Thị Thanh M. Ngoài ra không có con riêng, con nuôi nào khác.

[3] Xác định di sản thừa kế cụ Y để lại gồm: 270 m^2 đất (đo thực tế) tọa lạc tại số E ngõ C tổ dân phố số F, phường X, quận B, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01588 do UBND quận B, Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/2004 cho cụ Nguyễn Thị Ngọc Y.

[4] Kỷ phần thừa kế của bà O, T1, M, H1 được hưởng tính theo giá trị là: 27.000.000.000 đồng : 5,5 = 4.909.090.909 (bốn tỷ, chín trăm linh chín triệu, không trăm chín mươi ngàn chín trăm linh chín) đồng.

Ông T được hưởng là: 4.909.090.909đ x 1,5 = 7.363.636.363 (bảy tỷ ba trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn ba trăm sáu mươi ba) đồng.

[5] Kỷ phần thừa kế của bà O, T1, M, H1 được hưởng tính theo hiện vật là: 270 m^2 : 5,5 = 49 m^2. Ông T hưởng theo hiện vật là 74m^2.

Chia cụ thể như sau: (có sơ đồ kèm theo)

1. Ông T được hưởng kỷ phần thừa kế phía Đông Bắc giáp nhà ông Trần Hữu H2, phía Tây Nam giáp kỷ phần thừa kế của bà M, phía Đông Nam giáp ngõ C, phía Tây Bắc giáp kỷ phần thừa kế của bà T1, có các chiều như sau: 5,0 m x 14m = 70 m^2.

2. Bà M được hưởng kỷ phần thừa kế tiếp giáp ngay kỷ phần thừa kế của ông T có diện tích các chiều như sau: 3,5 m x 14 m = 49 m^2.

3. Bà O được hưởng kỷ phần thừa kế tiếp giáp ngay kỷ phần thừa kế của bà M có diện tích các chiều như sau: 3,5 m x 14 m = 49 m^2.

4. Bà T1 được hưởng kỷ phần thừa kế tiếp phía Đông Nam giáp kỷ phần thừa kế của ông T, bà M, bà O; phía Tây Nam giáp lối đi, phía Tây Bắc giáp kỷ phần thừa kế của bà H1, phía Đông Bắc giáp nhà ông Trần Hữu H2, có diện tích các chiều như sau: 4,25 m x 12 m = 51 m^2.

5. Bà H1 được hưởng kỷ phần thừa kế tiếp giáp ngay kỷ phần thừa kế của bà T1 có diện tích các chiều như sau: 4,25 m x 12 m = 51 m^2.

[6] So với kỷ phần thừa kế được hưởng:

Ông T hưởng ít hơn so với kỷ phần là: 74 m^2 – 70 m^2 = 4 m^2. Thành tiền: 100.000.000 đồng x 4 m^2 = 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Bà H1, bà T1 hưởng nhiều hơn so với kỷ phần là: 51m^2 – 49 m^2 = 2 m^2. Thành tiền là: 100.000.000 đồng x 2 m^2 = 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Như vậy, bà H1, bà T1 mỗi bà phải thanh toán lại cho ông T 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Ngoài ra, bản án còn quyết định án phí, tuyên miễn án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau phiên toà sơ thẩm: Ngày 03/10/2023, bà Vũ Thị Thanh M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận công sức chăm sóc lúc già yếu; sửa vị trí kỷ phần được hưởng.

Ngày 04/10/2023, bà Vũ Thị Ngọc T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 07/10/2023, ông Vũ Quốc T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhận kỷ phần bằng hiện vật, không nhận kỷ phần bằng tiền; chia diện tích đất mặt đường thành 04 phần bằng nhau. Ngày 08/10/2022, ông Vũ Quốc T có đơn rút kháng cáo nộp cho Tòa án.

Ngày 17/10/2023, bà Vũ Ngọc H1 kháng cáo. Tại Quyết định xét kháng cáo quá hạn số 107/QĐXKCQH ngày 15/3/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội không chấp nhận kháng cáo quá hạn của bà Vũ Hồng N.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Vũ Quốc T chết ngày 08/7/2023. Sau khi thụ lý vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã có Thông báo người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Vũ Quốc T, theo đó Tòa án đưa chị Vũ Thị Hồng H, anh Vũ Quốc V vào tham gia tố tụng với tư cách là Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Vũ Quốc T.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn - bà Vũ Thị Thanh M trình bày:

Bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về việc đề nghị xét công sức chăm sóc cụ Y của bà M thể hiện bà M đã đưa cụ Y đi du lịch và cụ Y giao cho bà M những kỷ vật của cụ trước khi cụ Y chết. Bà M xác định tất cả các con đều quan tâm chăm sóc cụ Y khi cụ Y sống và khi cụ Y chết thì đều có trách nhiệm lo ma chay; không đồng ý việc Toà án sơ thẩm xác định ông T có công sức nhiều hơn.

Bị đơn xác nhận ý chí và chữ ký của cụ Y cùng 05 anh chị em trong biên bản họp gia đình ngày 03/03/2002; tuy nhiên, sau đó ngày 14/03/2002 đã có biên bản họp gia đình có chữ ký của cụ Y cùng 05 anh chị em có xác nhận của UBND phường X do vậy cần xác định ý chí của cụ Y tại văn bản này.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo; trong trường hợp không chấp nhận kháng cáo thì đề nghị xác định toàn bộ diện tích đất là di sản dùng vào việc thờ cúng.

Anh Vũ Quốc V - người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Vũ Quốc T trình bày:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bố anh là ông Vũ Quốc T đã chết ngày 08/7/2023. Bố anh và mẹ anh là Vũ Thị L1 (sinh năm 1952) đã ly hôn năm 2019. Bố mẹ anh có 02 con là Vũ Thị Hồng H, sinh năm 1975 và anh là Vũ Quốc V, sinh năm 1978. Chị H và anh là hai người thừa kế của bố anh; ngoài ra, bố anh không có người thừa kế nào khác.

Tại phiên toà hôm nay, anh xác nhận giữa gia đình anh và bà T1, bà H1 đạt được thoả thuận là đồng ý như bản án sơ thẩm và bà T1, bà H1 không phải thanh toán cho gia đình anh số tiền như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Bố anh là con trai duy nhất của cụ Y. Bố anh và các cô sinh ra và lớn lên tại đây, các cô đi lấy chồng và bố anh lập gia đình và vẫn cùng nhà, trên cùng thửa đất với cụ Y vì bố anh là con trai duy nhất. Quá trình ở cùng, tuy cụ Y ăn riêng do thói quen sinh hoạt và khẩu vị nhưng gia đình anh là người cận kề chăm sóc chính. Cụ Y có lương hưu nên các con không ai phải nuôi mà chỉ quan tâm, thăm hỏi; cụ Y bị cảm chết đột ngột chứ trước khi mất cũng không có thời gian nào ốm đau dài. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Vũ Thị Ngọc T1, bà Vũ Thúy O trình bày:

Hai bà hoàn toàn đồng ý với lời trình bày của anh V. Về công sức chăm sóc bản án sơ thẩm chia cho ông T nhiều hơn là phù hợp vì ông T là con trai duy nhất, ở cùng cụ Y còn các con gái đều không ở đấy mà chỉ qua lại chơi. Về vị trí đất thì hai bà không đồng ý với yêu cầu hoán đổi vị trí của bà M vì vị trí của bà M được chia đều đúng với sự bàn bạc và thống nhất của các anh chị em. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên toà, xác nhận sau phiên toà sơ thẩm ông Vũ Quốc T đã chết ngày 08/7/2023; ông T có vợ là bà Vũ Thị L1 đã ly hôn và có 02 người thừa kế là chị Vũ Thị Hồng H, sinh năm 1975 và anh Vũ Quốc V, sinh năm 1978.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị Thanh M.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên toà xét xử vụ án.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình

diễn biến tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin rút kháng cáo của bà Vũ Thị Ngọc T1; không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị Thanh M; ghi nhận sự thoả thuận của gia đình ông T, bà T1, bà H1 về việc bà T1, bà H1 không phải thanh toán cho gia đình ông T số tiền như bản án sơ thẩm đã tuyên; hạn chế quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất của những người thừa kế của cụ Nguyễn Thị Ngọc Y. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội như đề nghị trên.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục:

Hội đồng xét xử nhận thấy,

[1.1] *Về thủ tục kháng cáo*:

Tại phiên toà ngày 19/9/2022, có mặt ông Vũ Quốc T; có mặt người đại diện theo uỷ quyền của bà Vũ Thị Thanh M; có mặt bà Vũ Thị Ngọc T1 (đại điện theo uỷ quyền của bà Vũ Ngọc H1); có mặt bà Vũ Thúy O.

Ngày 03/10/2022, bà Vũ Thị Thanh M nộp đơn kháng cáo đề ngày 30/09/2022; ngày 04/10/2022, bà Vũ Thị Ngọc T1 nộp đơn kháng cáo đề ngày 04/10/2022; ngày 07/10/2022, ông Vũ Quốc T nộp đơn kháng cáo đề ngày 04/10/2022; ngày 14/10/2022, bà Vũ Ngọc H1 nộp đơn kháng cáo đề ngày 05/10/2022.

Ngày 08/10/2022, ông Vũ Quốc T có đơn xin rút đơn kháng cáo; tại Quyết định số 107/QĐXXKCQH ngày 15/03/2023 của Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội đã quyết định chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị Ngọc T1, không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị Ngọc H3.

Tại thông báo về việc kháng cáo số 02A/TB - ngày 09/06/2023 xác định người kháng cáo là bà Vũ Thị Thanh M và Vũ Thị Ngọc T1. Bà M đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo thông báo của Toà án sơ thẩm, bà T1 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Về phạm vi kháng cáo của bà M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận công sức chăm sóc cụ Nguyễn Thị Ngọc Y lúc già yếu; sửa vị trí kỷ phần được hưởng. Bà T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Do đó kháng cáo của bà M, bà T1 đảm bảo về chủ thể, hình thức, nội dung và trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về người thừa kế của ông Vũ Quốc T:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Vũ Quốc T đã chết ngày 08/7/2023. Ông T có vợ là bà Vũ Thị L1 (sinh năm 1952) đã ly hôn năm 2019. Ông Vũ Quốc T có 02 con là chị Vũ Thị Hồng H, sinh năm 1975 và anh là Vũ Quốc V, sinh năm 1978. Hội đồng xét xử xác định chị Vũ Thị Hồng H và anh là Vũ Quốc V là người thừa

kế của ông Vũ Quốc T.

[1.3] *Về việc có mặt và vắng mặt của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm*:

Tại phiên toà, có mặt anh Vũ Quốc V, ông Trịnh Văn D, ông Nguyễn Minh Đ, bà Vũ Thị Ngọc T1, bà Vũ Thúy O và luật sư Trần Đinh Minh L. Vắng mặt các đương sự khác. Các đương sự có mặt không ai có yêu cầu hoãn phiên toà.

Hội đồng xét xử nhận thấy, các đương sự đều đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà; cần áp dụng khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.4] *Về việc rút đơn kháng cáo của bà Vũ Thị Ngọc T1*:

Trong quá trình Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án, các đương sự giao nộp Biên bản xác nhận ngày 28/11/2023 về việc Ghi nhận sự thỏa thuận giữa gia đình ông Vũ Quốc T và bà Vũ Thị Ngọc T1 về việc bà Vũ Thị Ngọc T1 không phải thanh toán cho gia đình ông Vũ Quốc T kỷ phần được hưởng nhiều 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Ngày 06/3/2024, bà Vũ Thị Ngọc T1 có đơn xin rút đơn kháng cáo; tại phiên toà phúc thẩm, bà T1 xác nhận việc rút đơn kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện vì bà T1 và bà H3 đã đạt được thoả thuận với ông T về việc bà T1 và bà H3 không phải thanh toán tiền cho ông T như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Hội đồng xét xử thấy việc rút đơn kháng cáo của bà Vũ Thị Ngọc T1 là tự nguyện, căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Vũ Thị Ngọc T1.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] *Về quan hệ huyết thống*:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Cụ Vũ Quốc Đ1 (mất năm 1970) và cụ Nguyễn Thị Ngọc Y (mất năm 2004) có 05 người con là ông Vũ Quốc T (chết ngày 08/7/2023; hai người thừa kế là chị Vũ Thị Hồng H và anh Vũ Quốc V), bà Vũ Thị Ngọc T1, bà Vũ Ngọc H3, bà Vũ Thúy O, bà Vũ Thị Thanh M ngoài ra không có ai khác.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Vũ Quốc T, bà Vũ Thị Ngọc T1, bà Vũ Ngọc H3, bà Vũ Thúy O, bà Vũ Thị Thanh M thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Y là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] *Về thời hiệu khởi kiện*:

Cụ Nguyễn Thị Ngọc Y (chết năm 2004), Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Y để lại vẫn còn là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

[2.3] *Về di sản của cụ Nguyễn Thị Ngọc Y*:

Các đương sự đều thống nhất xác định di sản thừa kế duy nhất của cụ Y để lại là thửa đất 271m^2 tại số E ngõ C tổ dân phố số F, phường X, quận B, Thành phố Hà Nội đã được cấp GCNQSDĐ theo QĐ số 3496 ngày 11/11/2004 của UBND huyện T về việc cấp GCNQSDĐ cho 114 trường hợp tại xã X trong đó có cụ

Nguyễn Thị Ngọc Y, thửa số 4, tờ bản đồ số 59, diện tích 271 m^2, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 01588.

Các đương sự trình bày hiện GCNQSDĐ số 01588 bị thất lạc. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xác minh tại UBND phường X và UBND quận B được biết: Theo Quyết định số 3496/QĐ - UB ngày 11/11/2004 của UBND huyện T thì thửa đất tại địa chỉ số E ngõ C, tổ dân phố số F, phường X, B, Hà Nội đã được cấp GCNQSDĐ số 01588 cho cụ Nguyễn Thị Ngọc Y có diện tích 271m^2.

Qua đo đạc thực tế thửa đất có các chiều: 22,5 m x 12 m = 270 m^2 và căn cứ vào diện tích đo thực tế này để Tòa án cấp sơ thẩm chia kỷ phần cho các đương sự là có căn cứ.

[2.4] *Về phân chia di sản của cụ Nguyễn Thị Ngọc Y*:

Các đương sự đều xác nhận, cụ Y (chết năm 2004) không để lại di chúc, do các đương sự thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Y không thỏa thuận được việc thực hiện theo biên bản họp gia đình nên Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế của cụ Y để lại theo pháp luật là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bà Vũ Thị Thanh M:

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, bà M không có kháng cáo về huyết thống, di sản, kỷ phần chia thừa kế. Bà M có kháng cáo về việc yêu cầu công nhận công sức, chăm sóc cụ Nguyễn Thị Ngọc Y; yêu cầu hoán đổi vị trí đất ra vị trí đất mà bản án sơ thẩm chia cho bà Vũ Thúy O.

[3.1] *Xét yêu cầu kháng cáo xem xét công sức chăm sóc cụ Nguyễn Thị Ngọc Y lúc già yếu*:

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, sinh thời cụ Nguyễn Thị Ngọc Y công tác tại nhiều cơ quan, tổ chức, trước khi nghỉ chế độ, cụ Y là cán bộ Ủy ban kiểm tra đảng của huyện Ủy Từ Liêm cho đến ngày 01/9/1972 được nghỉ về hưu mất sức. Như vậy, cụ Y khi về hưu vẫn có lương hưu để đảm bảo cho cuộc sống.

Theo nội dung đơn kháng cáo của bà Vũ Thị Thanh M thể hiện năm 1974 ông T lấy vợ nhưng vẫn sinh sống tại thửa đất 271 m^2. Khoảng năm 1994, do cụ Y có mâu thuẫn với vợ ông T và do được phân nhà nên ông T chuyển về sinh sống tại phòng 306, E, đến năm 2004 khi cụ Y chết thì ông T chuyển về sinh sống tại thửa đất 271 m^2 và có cải tạo lại một phần ngôi nhà. Như vậy, ông T là người chủ yếu sinh sống tại thửa đất 271 m^2 xã X. Bà M cũng thừa nhận là trong quá trình sinh sống tại thửa đất này, ông T có cải tạo lại một phần ngôi nhà. Do ông T là người sinh sống, quản lý, cải tạo nhà đất nên Tòa án cấp sơ thẩm xét công sức duy trì, tôn tạo di sản thừa kế của ông T và chia cho ông T thêm ½ kỷ phần thừa kế là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Bà Vũ Thị Thanh M kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông T có công chăm sóc cụ Y nên Tòa án đã chia kỷ phần thừa kế cho ông T nhiều hơn bà và các đồng thừa kế là không có căn cứ vì nội dung của bản án sơ thẩm thể hiện: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xét "công sức duy trì, tôn tạo di sản thừa kế của ông T và chia cho ông T thêm ½ kỷ phần thừa kế là có căn cứ, phù hợp với quy định

của pháp luật" chứ không xét công chăm sóc cụ Y để chia cho ông T kỷ phần nhiều hơn các đồng thừa kế.

Bà Vũ Thị Thanh M cho rằng khi cụ Y về già, đau ốm, bà mới là người ở chung và chăm sóc cụ Y và bà M nhận thấy có công chăm sóc, nuôi dưỡng cụ Y khi về già, đau ốm nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, theo phân tích trên thì cụ Y khi về hưu vẫn có kinh tế để đảm bảo cho cuộc sống, không phụ thuộc vào ai. Do đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà Vũ Thị Thanh M.

[3.2] *Xét yêu cầu kháng cáo về việc hoán đổi vị trí đất được hưởng*:

Căn cứ vào diện tích, hình thể thửa đất, căn cứ giá trị thửa đất, Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia di sản của cụ Nguyễn Thị Ngọc Y để lại theo sơ đồ kèm theo bản án là phù hợp. Bà M không có lý do thuyết phục để yêu cầu hoán đổi vị trí đất. Do đó không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà Vũ Thị Thanh M.

[3.3] *Xét yêu cầu kháng cáo về việc di sản để lại làm thờ cúng*:

Tại biên bản họp gia đình ngày 03/03/2002, có sự có sự có mặt cụ Nguyễn Thị Ngọc Y, ông T, bà T1, bà H3, bà M có nội dung: *Cụ Y chia đất cho 05 người con và lô đất còn lại thuộc toàn quyền sử dụng của cụ Y sử dụng vào việc xây nhà thờ không được bán.*

Tại biên bản họp gia đình ngày 14/03/2002, có sự có sự có mặt cụ Nguyễn Thị Ngọc Y, ông T, bà T1, bà H3, bà M và có xác nhận của UBND xã X có nội dung: *Cụ Y chia đất cho 05 người con cụ thể chia cho bà Vũ Thị Ngọc T1 thửa số 14 diện tích 62 m^2; chia cho ông Vũ Quốc T thửa số 16 diện tích 81 m^2; chia cho bà Vũ Thị Ngọc H3 diện tích 52 m^2; chia cho bà Vũ Thúy O thửa số 13 diện tích 58 m^2; chia cho bà Vũ Thị Thanh M thửa số 12 diện tích 70 m^2; thửa đất số 04 tờ bản đồ 59, (bản đồ năm 1991) diện tích 271 m^2 sẽ do bà Nguyễn Thị Ngọc Y sử dụng.*

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự đều xác nhận ý chí tại hai biên bản này là ý chí của cụ Y và 05 người con nên đây là tình tiết không cần chứng minh.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại biên bản họp gia đình ngày 14/03/2002 có xác nhận của UBND xã X cụ Y chia đất cho các con và không có nội dung việc để lại đất xây nhà thờ và không được bán. Việc thờ cúng cha mẹ tập trung chỉ có nhiều ý nghĩa khi các con cháu đoàn kết; giữa những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Y đã có tranh chấp đất trong nhiều năm trong đó năm 2018, chính bà M đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm về việc chia thừa kế. Ngoài ra, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Y đều là những người cao tuổi, trong đó ông T đã chết. Do vậy, việc hạn chế quyền sử dụng đất không những không tác động tích cực đến việc thờ cúng chung của 05 người con của cụ Y mà sẽ gây khó khăn trong quá trình sử dụng đất, quyền định đoạt quyền sử dụng đất của người được nhận di sản. Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của bà M.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Vũ Quốc T, bà Vũ Thị Ngọc T1, bà Vũ Ngọc H3, bà Vũ Thúy O được miễn án phí án dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bà Vũ Thị Thanh M phải chịu 112.909.091 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo bà Vũ Thị Thanh M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội về việc hạn chế quyền sử dụng đất không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử tại mục 3.3 nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 1995;

- Khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 271; Điều 272; Điều 273; khoản 1 Điều 289; khoản 2 Điều 296; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị Ngọc T1; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị Thanh M; ghi nhận sự thoả thuận của bà Vũ Thị Ngọc T1, bà Vũ Ngọc H3 với những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Vũ Quốc T là chị Vũ Thị Hồng H và anh Vũ Quốc V; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, cụ thể:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của ông Vũ Quốc T đối với bà Vũ Thị Thanh M.

[1.1] Xác định cụ Nguyễn Thị Ngọc Y chết ngày 25/11/2004; xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị Ngọc Y gồm 05 người con là: Ông Vũ Quốc T (chết ngày 08/7/2023 - người thừa kế của ông Vũ Quốc T là chị Vũ Thị Hồng H, anh Vũ Quốc V), bà Vũ Thị Ngọc T1, bà Vũ Ngọc H3, bà Vũ Thúy O, bà Vũ Thị Thanh M. Ngoài ra không có con riêng, con nuôi nào khác

[1.2] Xác định di sản thừa kế cụ Nguyễn Thị Ngọc Y để lại là 270 m^2 đất (đo thực tế) tọa lạc tại số E ngõ C, tổ dân phố số F, phường X, quận B, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01588 do UBND quận B, Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/2004 cho cụ Nguyễn Thị Ngọc Y.

[1.3] Xác định kỷ phần thừa kế của bà Vũ Thị Ngọc T1, bà Vũ Ngọc H3, bà Vũ Thúy O, bà Vũ Thị Thanh M mỗi người được hưởng tính theo giá trị là 4.909.090.909 (bốn tỷ, chín trăm linh chín triệu, không trăm chín mươi nghìn, chín trăm linh chín) đồng; tương đương với 49 m^2 đất.

Xác định kỷ phần thừa kế của ông Vũ Quốc T (chết ngày 08/7/2023 - người thừa kế của ông Vũ Quốc T là chị Vũ Thị Hồng H, anh Vũ Quốc V) được hưởng là

7.363.636.363 (bảy tỷ, ba trăm sáu mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm sáu mươi ba) đồng; tương đương với 74 m^2 đất.

[1.4] Chia cụ thể hiện vật như sau: (có sơ đồ kèm theo)

[1.4.1] Ông Vũ Quốc T (chết ngày 08/7/2023 - người thừa kế của ông Vũ Quốc T là chị Vũ Thị Hồng H, anh Vũ Quốc V) được hưởng kỷ phần thừa kế phía Đông Bắc giáp nhà ông Trần Hữu H2, phía Tây Nam giáp kỷ phần thừa kế của bà Vũ Thị Thanh M, phía Đông Nam giáp ngõ C, phía Tây Bắc giáp kỷ phần thừa kế của bà Vũ Thị Ngọc T1, có các chiều như sau: 5,0 m x 14 m = 70 m^2.

[1.4.2] Bà Vũ Thị Thanh M được hưởng kỷ phần thừa kế tiếp giáp ngay kỷ phần thừa kế của ông Vũ Quốc T (chết ngày 08/7/2023 - người thừa kế của ông Vũ Quốc T là chị Vũ Thị Hồng H, anh Vũ Quốc V) có diện tích các chiều như sau: 3,5 m x 14 m = 49 m^2.

[1.4.3] Bà Vũ Thúy O được hưởng kỷ phần thừa kế tiếp giáp ngay kỷ phần thừa kế của bà Vũ Thị Thanh M có diện tích các chiều như sau: 3,5 m x 14 m = 49 m^2.

[1.4.4] Bà Vũ Thị Ngọc T1 được hưởng kỷ phần thừa kế tiếp phía Đông Nam giáp kỷ phần thừa kế của ông Vũ Quốc T (chết ngày 08/7/2023 - người thừa kế của ông Vũ Quốc T là chị Vũ Thị Hồng H, anh Vũ Quốc V), bà Vũ Thị Thanh M, bà Vũ Thúy O; phía Tây Nam giáp lối đi, phía Tây Bắc giáp kỷ phần thừa kế của bà Vũ Ngọc H3, phía Đông Bắc giáp nhà ông Trần Hữu H2, có diện tích các chiều như sau: 4,25 m x 12 m = 51m^2.

[1.4.5]. Bà Vũ Ngọc H3 được hưởng kỷ phần thừa kế tiếp giáp ngay kỷ phần thừa kế của bà Vũ Thị Ngọc T1 có diện tích các chiều như sau: 4,25 m x 12 m = 51 m^2.

[1.5] Thanh toán chênh lệch so với kỷ phần thừa kế được hưởng như sau:

Ông Vũ Quốc T (chết ngày 08/7/2023 - người thừa kế của ông Vũ Quốc T là chị Vũ Thị Hồng H, anh Vũ Quốc V) hưởng ít hơn so với kỷ phần là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Bà Vũ Thị Ngọc T1, bà Vũ Ngọc H3 hưởng nhiều hơn so với kỷ phần 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Như vậy, Vũ Thị Ngọc T1, bà Vũ Ngọc H3 mỗi người phải thanh toán lại cho ông Vũ Quốc T (chết ngày 08/7/2023 - người thừa kế của ông Vũ Quốc T là chị Vũ Thị Hồng H, anh Vũ Quốc V) 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Vũ Quốc T (chết ngày 08/7/2023 - người thừa kế của ông Vũ Quốc T là chị Vũ Thị Hồng H, anh Vũ Quốc V) với bà Vũ Thị Ngọc T1, bà Vũ Ngọc H3 về việc bà Vũ Thị Ngọc T1, bà Vũ Ngọc H3 không phải thanh toán cho ông Vũ Quốc T (chết ngày 08/7/2023 - người thừa kế của ông Vũ Quốc T là chị Vũ Thị Hồng H, anh Vũ Quốc V) số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

[2] Về án phí:

[2.1] Bà Vũ Thị Ngọc T1, bà Vũ Ngọc H3, bà Vũ Thúy O, chị Vũ Thị Hồng H, anh Vũ Quốc V được miễn án phí án dân sự sơ thẩm.

[2.2] Bà Vũ Thị Thanh M phải chịu 112.909.091 đồng án phí dân sự sơ thẩm; không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; được đối trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2020/0043376 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Bà Vũ Thị Thanh M còn phải nộp số tiền 112.609.091 (một trăm mươi hai triệu, sáu trăm linh chín nghìn, không trăm chín mươi mốt) đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày Tòa tuyên án./

Nơi nhận:
- *VKS NDTP Hà Nội;*
- *TAND quận Bắc Từ Liêm;*
- *Chi cục THA DS quận Bắc Từ Liêm;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hồng

Nơi nhận:
- *VKS NDTP Hà Nội;*
- *TAND quận Bắc Từ Liêm;*
- *Chi cục THA DS quận Bắc Từ Liêm;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hồng